



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 27
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104782792 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03/11/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5 Tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đình Như	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Nhung	Thành viên	
Ông Nguyễn Hải Hoàn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2015)
Ông Lê Đức Tự	Thành viên	
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Quang	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2015)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đình Như	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Nhung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Công	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Diệu Hương	Trưởng ban
Ông Phạm Đức Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Hiền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam

Tầng 5 Tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bùi Đình Như

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Số: 645/2016/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Nguyễn Diệu Trang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0938-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
		VND	(đã điều chỉnh) VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		135.352.815.215	68.343.015.265
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	58.134.337.658	2.186.113.384
111 1. Tiền		3.134.337.658	2.186.113.384
112 2. Các khoản tương đương tiền		55.000.000.000	-
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.692.774.526	59.344.600.204
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.555.907.026	17.895.043.824
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	42.136.867.500	27.949.556.380
135 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	13.500.000.000
140 IV. Hàng tồn kho	7	15.431.506.540	6.067.380.000
141 1. Hàng tồn kho		15.431.506.540	6.067.380.000
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		94.196.491	744.921.677
152 1. Thuế GTGT được khấu trừ		94.196.491	744.921.677
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.968.977.738	48.595.197.007
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		-	33.000.000.000
216 1. Phải thu dài hạn khác		-	33.000.000.000
220 II. Tài sản cố định		4.515.537.431	5.124.887.129
221 1. Tài sản cố định hữu hình	8	4.515.537.431	5.124.887.129
222 - Nguyên giá		5.289.585.455	5.394.918.092
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(774.048.024)	(270.030.963)
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	10.200.000.000	10.200.000.000
251 1. Đầu tư vào công ty con		10.200.000.000	10.200.000.000
260 VI. Tài sản dài hạn khác		253.440.307	270.309.878
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	9	253.440.307	270.309.878
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		150.321.792.953	116.938.212.272

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015 (đã điều chỉnh)
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		24.982.408.544	3.799.840.553
310 I. Nợ ngắn hạn		24.982.408.544	3.799.840.553
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	21.226.235.363	1.906.798.650
313 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	3.734.599.208	1.893.041.903
319 3. Phải trả ngắn hạn khác		21.573.973	-
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		125.339.384.409	113.138.371.719
410 I. Vốn chủ sở hữu	12	125.339.384.409	113.138.371.719
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		109.999.990.000	100.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		109.999.990.000	100.000.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.339.394.409	13.138.371.719
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.138.381.719	1.163.685.054
421b - LNST chưa phân phối năm nay		12.201.012.690	11.974.686.665
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		150.321.792.953	116.938.212.272

Như

Nguyễn Thị Huệ

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Hung

Nguyễn Thị Hưng

Kế toán trưởng



Bùi Đình Như

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
		VND	(đã điều chỉnh) VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13	221.642.939.188	159.367.499.178
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		221.642.939.188	159.367.499.178
11 4. Giá vốn hàng bán	14	210.020.422.357	143.162.797.550
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.622.516.831	16.204.701.628
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	9.020.350.234	163.553.926
25 7. Chi phí bán hàng	16	1.060.024.000	1.369.876.527
26 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	2.607.388.557	1.443.145.696
30 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.975.454.508	13.555.233.331
32 10. Chi phí khác	18	1.039.841.874	-
40 11. Lợi nhuận khác		(1.039.841.874)	-
50 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.935.612.634	13.555.233.331
51 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	3.734.599.944	1.580.546.666
60 14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>12.201.012.690</u>	<u>11.974.686.665</u>


Nguyễn Thị Huệ

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016


Nguyễn Thị Hưng

Kế toán trưởng


Bùi Đình Như

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 (đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01 1. Lợi nhuận trước thuế		15.935.612.634	13.555.233.331
2. Điều chỉnh cho các khoản			
02 - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		562.198.176	221.532.781
05 - Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.020.350.234)	(5.818.553.926)
08 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.477.460.576	7.958.212.186
09 - Tăng/giảm các khoản phải thu		(15.197.449.136)	(36.711.388.571)
10 - Tăng/giảm hàng tồn kho		(9.364.126.540)	(6.067.380.000)
11 - Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		19.319.436.713	(6.089.764.350)
12 - Tăng/giảm chi phí trả trước		64.021.093	(260.520.388)
15 - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.871.468.666)	-
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		427.874.040	(41.170.841.123)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(5.289.585.455)
23 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7.000.000.000)	(13.500.000.000)
24 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.500.000.000	-
25 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(33.200.000.000)
26 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		42.000.000.000	70.000.000.000
27 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.350.234	5.818.553.926
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		55.520.350.234	23.828.968.471
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	90.000.000.000
34 2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(71.000.000.000)
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	19.000.000.000
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm		55.948.224.274	1.658.127.348
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.186.113.384	527.986.036
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm		58.134.337.658	2.186.113.384

Nguyễn Thị Huệ

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Hưng

Kế toán trưởng

Bùi Đình Như

Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104782792 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03/11/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5 Tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 109.999.990.000 VND, tương đương 10.999.999 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu xây dựng, sắt, thép, xi măng, hàng nông sản và các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Tư vấn doanh nghiệp, môi giới bất động sản, đầu tư bất động sản, hoạt động tư vấn quản lý.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Năm 2015, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại các mặt hàng vật liệu xây dựng, kim loại, quặng kim loại, sắt, thép, nông sản. Các hoạt động tư vấn, môi giới bất động sản bắt đầu đi vào hoạt động. Ngoài ra, trong năm, Công ty cũng thực hiện thanh lý các hợp đồng hợp tác kinh doanh bằng việc chuyển nhượng phần vốn góp vào dự án cho các đối tác kinh doanh. Do đó, doanh thu bán hàng năm 2015 và thu nhập từ chuyển nhượng dự án tăng mạnh so với năm trước.

Thông tin về Công ty con của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số 25.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 năm |

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty.
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.792.108.430	937.689.624
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	342.229.228	1.248.423.760
Các khoản tương đương tiền (i)	55.000.000.000	
	58.134.337.658	2.186.113.384

(i) Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng giá trị 55.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong với lãi suất 4,8%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		01/01/2015	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư	10.200.000.000	-	10.200.000.000	-
Xây lắp và Thương mại				
Việt Nam (i)				
	<u>10.200.000.000</u>	<u>-</u>	<u>10.200.000.000</u>	<u>-</u>

(i) Tại thời điểm 31/12/2015, Vốn chủ sở hữu (Chỉ tiêu 410) lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu (Chỉ tiêu 411) trên Bảng cân đối kế toán của Công ty con. Do đó, chúng tôi không trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này. Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Việt Nam	Hà Nội	51%	51%	Xây lắp, thương mại

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con trong năm: Xem Thuyết minh 24.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Hùng Vương	-	13.186.729.830
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin và Truyền thông Gtel	2.507.352.400	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu	12.526.973.012	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VCI Việt Nam	2.295.423.064	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.226.158.550	4.708.313.994
	<u>19.555.907.026</u>	<u>17.895.043.824</u>
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	<u>2.295.423.064</u>	<u>1.208.181.760</u>
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 24)		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chì kẽm Yên Bái	-	15.002.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	-	12.842.956.380
Ông Trần Đức Hòa (i)	42.000.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	136.867.500	104.000.000
	42.136.867.500	27.949.556.380

(i) Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đầm nuôi trồng thủy sản số 1012/2014/HĐCNQSDĐ/HOA-VNDI ngày 10/12/2014 ký kết với ông Trần Đức Hòa, cá nhân ông Hòa sẽ thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty 02 thửa đất có tổng diện tích 109,54 ha thuộc phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng. Công ty đã chuyển cho cá nhân ông Hòa số tiền 42 tỷ đồng để ứng trước cho hợp đồng và tổng giá chuyển nhượng vẫn đang được tiếp tục thương thảo. Công ty cũng đang làm việc với các bên liên quan cũng như thực hiện các thủ tục về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 2 thửa đất trên và chuyển mục đích sử dụng sang đất Khu công nghiệp để lập "Dự án Khu công nghiệp Đình Vũ mở rộng" với thời hạn thuê 50 năm.

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng gửi đi bán	15.431.506.540	-	6.067.380.000	-
	15.431.506.540	-	6.067.380.000	-

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.960.000.000	1.329.585.455	105.332.637	5.394.918.092
Giảm do không đủ tiêu chuẩn TSCĐ	-	-	(105.332.637)	(105.332.637)
Số dư cuối năm	3.960.000.000	1.329.585.455	-	5.289.585.455
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	198.000.000	13.849.848	58.181.115	270.030.963
Khấu hao trong năm	409.849.848	152.348.328	-	562.198.176
Giảm do không đủ tiêu chuẩn TSCĐ	-	-	(58.181.115)	(58.181.115)
Số dư cuối năm	607.849.848	166.198.176	-	774.048.024
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.762.000.000	1.315.735.607	47.151.522	5.124.887.129
Tại ngày cuối năm	3.352.150.152	1.163.387.279	-	4.515.537.431

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	141.313.819	270.309.878
Chi phí thuê nhà	81.686.103	-
Các khoản khác	30.440.385	-
	253.440.307	270.309.878

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	10.000.000.000	1.163.685.054	11.163.685.054
Tăng vốn trong năm trước	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	11.974.686.665	11.974.686.665
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	13.138.371.719	113.138.371.719
Tăng vốn trong năm nay từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	9.999.990.000	(9.999.990.000)	-
Lãi trong năm nay	-	12.201.012.690	12.201.012.690
Chi trả cổ tức	-	-	-
Số dư cuối năm	109.999.990.000	15.339.394.409	125.339.384.409

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 3006/2015/NQ/ĐHĐCĐ-VNDI ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty công bố thực hiện chi trả cổ tức năm 2014 cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu tỷ lệ là 10%, theo đó cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 10 cổ phiếu mới. Ngày 19/11/2015, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung số cổ phiếu này.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	Tỷ lệ %	01/01/2015 VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Finway	6.600.000.000	6,00	6.000.000.000	6,00
Ông Bùi Đình Như	11.000.000.000	10,00	10.000.000.000	10,00
Ông Hoàng Ngọc Chiến	5.500.000.000	5,00	5.000.000.000	5,00
Ông Lê Đức Tự	5.500.000.000	5,00	5.000.000.000	5,00
Các cổ đông khác	81.399.990.000	74,00	74.000.000.000	74,00
	109.999.990.000	100,00	100.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	9.999.990.000	90.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	109.999.990.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	9.999.990.000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.999.999	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.999.999	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.999.999	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.999.999	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.999.999	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

13 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng	220.205.171.002	143.832.889.830
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.437.768.186	9.879.609.348
Lợi nhuận sau thuế được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	5.655.000.000
	221.642.939.188	159.367.499.178
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 24)	5.944.375.429	48.218.346.760

14 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	209.681.122.357	141.323.017.550
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	339.300.000	1.839.780.000
	210.020.422.357	143.162.797.550

15 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.350.234	163.553.926
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng khoản đầu tư hợp tác kinh doanh	9.000.000.000	-
- Chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Finway (i)	3.000.000.000	-
- Chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VCI Việt Nam (ii)	6.000.000.000	-
	9.020.350.234	163.553.926

(i) Thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư hợp tác kinh doanh cho Công ty Cổ phần Finway, giá gốc khoản đầu tư hợp tác kinh doanh là 12.000.000.000 VND, giá trị chuyển nhượng là 15.000.000.000 VND. Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư hợp tác kinh doanh là 3.000.000.000 VND.

(ii) Thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư hợp tác kinh doanh cho Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VCI Việt Nam, giá gốc khoản đầu tư hợp tác kinh doanh là 21.000.000.000 VND, giá trị chuyển nhượng là 27.000.000.000 VND. Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư hợp tác kinh doanh là 6.000.000.000 VND.

16 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	50.071.500
Chi phí nhân công	1.060.024.000	867.125.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	452.679.375
	<u>1.060.024.000</u>	<u>1.369.876.527</u>

17 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	164.576.990	50.798.720
Chi phí nhân công	1.192.564.756	854.605.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.198.176	221.532.781
Thuế, phí và lệ phí	89.698.816	97.905.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	409.218.565	141.536.463
Chi phí khác bằng tiền	585.131.254	76.766.099
	<u>2.607.388.557</u>	<u>1.443.145.696</u>

18 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí chậm nộp tờ khai, chậm nộp thuế TNDN	134.396.660	-
Chênh lệch công nợ	707.445.214	-
Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	198.000.000	-
	<u>1.039.841.874</u>	<u>-</u>

19 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	15.935.612.634	13.555.233.331
Các khoản điều chỉnh tăng	1.039.841.874	2.500.000
- Chi phí chậm nộp tờ khai, chậm nộp thuế TNDN	134.396.660	2.500.000
- Chênh lệch công nợ	707.445.214	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	198.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(5.655.000.000)
- Lợi nhuận sau thuế được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	(5.655.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	16.975.454.508	7.902.733.331
Thuế suất	22%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.734.599.944	1.580.546.666
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.871.467.930	290.921.264
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.871.468.666)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.734.599.208	1.871.467.930

20 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	164.576.990	100.870.220
Chi phí nhân công	2.393.888.756	1.721.731.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	364.198.176	221.532.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	409.218.565	594.215.838
Chi phí khác bằng tiền	674.830.070	2.014.451.953
	4.006.712.557	4.652.802.223

21 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.134.337.658	-	2.186.113.384	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.555.907.026	-	50.895.043.824	-
Các khoản cho vay	-	-	13.500.000.000	-
	77.690.244.684	-	66.581.157.208	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	21.247.809.336	1.906.798.650
	21.247.809.336	1.906.798.650

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và tương đương tiền	58.134.337.658	-	-	58.134.337.658
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.555.907.026	-	-	19.555.907.026
	77.690.244.684	-	-	77.690.244.684

Tại ngày 01/01/2015

Tiền và tương đương tiền	2.186.113.384	-	-	2.186.113.384
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.895.043.824	33.000.000.000	-	50.895.043.824
Các khoản cho vay	13.500.000.000	-	-	13.500.000.000
	<u>33.581.157.208</u>	<u>33.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>66.581.157.208</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	21.247.809.336	-	-	21.247.809.336
	<u>21.247.809.336</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>21.247.809.336</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.906.798.650	-	-	1.906.798.650
	<u>1.906.798.650</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.906.798.650</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

22 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu trong năm chủ yếu là doanh thu từ hoạt động thương mại (chiếm hơn 90% tổng doanh thu), đồng thời chỉ phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 03/01/2016, Đại hội cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam ban hành Nghị quyết số 0301/2016/NQ/ĐHĐCĐ-VNDI về thông qua Kế hoạch phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ và phương án sử dụng vốn sau khi tăng vốn (Theo nội dung Tờ trình số 1611.1/2015/TTr/HĐQT-VNDI ngày 16/11/2015). Theo đó, số lượng cổ phần phổ thông phát hành bổ sung là 10.999.999 cổ phần, tương ứng với tổng giá trị 109.999.990.000 VND. Phần vốn góp tăng thêm sẽ được sử dụng: Đầu tư bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Việt Nam số tiền 45.000.000.000 VND; Đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Thái Bình Đông Á số tiền 55.000.000.000 VND và bổ sung vốn lưu động cho Công ty số tiền 9.999.990.000 VND. Thời điểm dự kiến phát hành vào Quý I/2016 đến Quý II/2016.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Bán hàng			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Việt Nam	Công ty con	-	538.350.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VCI Việt Nam	Bên liên quan với HĐQT (i)	5.193.925.429	47.679.996.760
- Công ty Cổ phần Finway	Cổ đông góp vốn	750.450.000	-
Chuyển nhượng vốn góp liên doanh			
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VCI Việt Nam	Bên liên quan với HĐQT (i)	27.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Finway	Cổ đông góp vốn	15.000.000.000	-
Góp vốn đầu tư			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Việt Nam	Công ty con	-	10.200.000.000
Góp vốn			
- Ông Nguyễn Hải Hoàn	Thành viên HĐQT	-	4.500.000.000
- Bà Lê Thị Nhung	Thành viên HĐQT	-	18.000.000.000
- Ông Bùi Đình Như	Thành viên HĐQT	-	67.500.000.000
Góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác liên doanh			
- Công ty Cổ phần Finway	Cổ đông góp vốn	-	12.000.000.000
Mua lại phần vốn góp của Ông Hoàng Ngọc Chiến - TV HĐQT tại công ty con			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Việt Nam	Công ty con	-	9.180.000.000

Sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu khách hàng			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Việt Nam	Công ty con	-	592.185.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VCI Việt Nam	Bên liên quan với HĐQT (i)	2.295.423.064	615.996.760
Phải thu khác			
- Công ty Cổ phần Finway	Cổ đông góp vốn	-	12.000.000.000

(i) Ông Nguyễn Hải Hoàn trước đây là thành viên HĐQT của Công ty (miễn nhiệm ngày 30/06/2015) đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VCI Việt Nam.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	471.440.000	439.200.000

25 . SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay:

a) Bảng Cân đối kế toán

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh
- Phải thu dài hạn khác
- Chi phí trả trước ngắn hạn
- Chi phí trả trước dài hạn

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Doanh thu hoạt động tài chính

Mã số	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
	VND (1)	VND (2)	VND (3) = (2) - (1)
252	33.000.000.000	-	(33.000.000.000)
216	-	33.000.000.000	33.000.000.000
151	220.284.749	-	(220.284.749)
261	50.025.129	270.309.878	220.284.749
01	153.712.499.178	159.367.499.178	5.655.000.000
10	153.712.499.178	159.367.499.178	5.655.000.000
20	10.549.701.628	16.204.701.628	5.655.000.000
21	5.818.553.926	163.553.926	(5.655.000.000)

Ngoài ra, một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số	Khoản mục	Số tiền (Đã điều chỉnh)	Số liệu điều chỉnh theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Thay đổi
-------	-----------	----------------------------	---	----------

a/ Bảng Cân đối kế toán

121	Đầu tư ngắn hạn	13.500.000.000		
-----	-----------------	----------------	--	--

a/ Bảng Cân đối kế toán

135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	13.500.000.000	(13.500.000.000)	13.500.000.000
-----	------------------------------	----------------	------------------	----------------



Nguyễn Thị Hưng

Nguyễn Thị Huệ
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Hưng
Kế toán trưởng

Bùi Đình Như
Tổng Giám đốc

